

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 7

PHẦN TRUNG

Tiếp “Sai người bên cạnh”: Là căn cứ giáo, căn cứ nhân. Căn cứ giáo thì Lý giáo vọng nhau, căn cứ nhân thì Sư đệ vọng nhau. Nhân ắt chỉ giáo, giáo ắt đãi nhân. Hai giải thích mới cùng khắp không thể hiển thiên vị. Đầu tiên ước giáo; lý tức Pháp thân, trí tức Báo thân. Do trí, nên nói “trí gọi là năng sai khiến”, trí tuy năng sai khiến mà sở y thì nơi lý. Năng sai khiến như “thần”, sở y như “vương”. Sở sai khiến là giáo, cho nên lý thì chánh giáo thì phụ. Cho nên, báo vọng giáo, thì báo cũng gọi là chánh. Nhưng báo do lý thành, lý thì gần báo thì xa, cho nên trong hai chánh thì theo gần để nói. “Lại, người bên cạnh...”: là căn cứ nhân giải thích: Trong kinh Hoa Nghiêm sau phẩm Hiền Thủ, phẩm Thập Trụ nói tại cung trời Đao-lợi, thập Tuệ Bồ-tát, thì Pháp tuệ là đứng đầu, chín Tuệ còn lại đều dùng kệ tán thán. Tiếp, Pháp Tuệ Bồ-tát rộng nói Thập trụ. Tiếp, phẩm Dạ-ma Thiên Tự Tại có thập Lâm Bồ-tát, chín Lâm cũng đều dùng kệ tán thán rồi. Công Đức Lâm rộng nói Thập hạnh. Tiếp Phẩm Thăng Đâu-suất có thập Tràng Bồ-tát, chín Tràng cũng đều dùng kệ tán thán rồi tiếp Kim Cang Tràng rộng nói Thập hướng. Tiếp phẩm Thăng Tha Hóa có ba mươi sáu Tạng Bồ-tát, Kim Cang Tạng đứng đầu, có Bồ-tát tên là Giải Thoát Nguyệt thỉnh nói Thập địa. Bốn Bồ-tát khi nói các giai vị “Trụ, Hạnh, Hướng Địa” đây đều nói rằng: “nhờ Phật lực mà nói”, cho nên gọi là “sở sai khiến”.

Tiếp, trong phần “Giải thích Chạy nhanh” cũng căn cứ nhân, giáo. Trước, trong căn cứ giáo chỉ dùng hiển lộ làm “nhanh”. “Nếu dùng Bồ-tát...”: là lần nữa thuật căn cứ nhân. “Bồ-tát tự có thần thông, lại được Phật gia bị”, cho nên gọi là “nhanh”. “Trái tâm...”: Trái ắt không biết kinh sợ, ắt ngạc nhiên như thấy bất ngờ, trái tâm không biết, giáo đây đối với kia cũng lại như vậy. “Lớn tiếng kêu oan”: Kinh chỉ nói “oan” mà không nói khổ, trong số văn giải thích sở dĩ kêu lớn tiếng là vì khổ

đau, do đó đầy đủ có hai nghĩa: Gặp oan ắt khổ nên gọi là kêu lớn, nghĩ như thế nghĩa lý hợp đúng. “Nếu khuyến phiến não tức Bồ-đề” thì chính là khiến cùng tử không đoạn phiến não. Phiến não không đoạn ắt chiêu cảm khổ báo; lẽ nào có “sinh tử tức Niết-bàn” ư! Vì vậy cho nên “lớn tiếng kêu oan” nghĩa đương nhân quả, văn ý trình bày cả hai. “Tự nghĩ mình vô tội...”: Là tự tỉnh chưa thể đồng chúng sinh nhập ác khởi tham dục.... Nay nếu làm điều đó thì gọi là tội hành. Bồ-tát ắt vào sinh tử lao ngục, cho nên nói “bắt giữ”. Không có đại phương tiện: Là không nhập giả trí khiến khởi tham dục, vào sinh tử gọi là mất tuệ mạng. “Át đọa...”: hai giải thích, “đọa trong ba đường khổ” thì Đại Tiểu đều mất. “Chìm đắm trong vô minh địa”, “địa” cần theo nghĩa bao gồm giới nội và giới ngoại.

“Căn cứ nhân làm sứ giả”: Pháp chọn căn cơ cần thân đồng loại. “Tịnh Danh...”: Sai hóa Bồ-tát qua lấy hương phạn, Bồ-tát cõi kia thấy hỏi hóa Bồ-tát. Hóa Bồ-tát đáp, do Bồ-tát kia nghe nói cõi uế đây Đức Phật và Bồ-tát có khả năng nhọc nhằn, khiêm tốn, vị kia nghe muốn đến thành tựu hạnh song lưu. Đức Phật kia khuyên răn dạy rằng: “Nhiếp thân hương...”. Bồ-tát kia đến nơi đây cũng khiến ở cõi này người chưa phát tâm thì phát tâm, người đã phát tâm rồi thì tu hành, cho nên khiến nhiếp thặng theo liệt, hiện đồng loại. “Phổ Hiền nhập Sa-bà...”: Phổ Hiền Bồ-tát thân lượng vô biên âm thanh vô biên, sắc tượng vô biên. Muốn đến nước này, ngài bèn dùng sức tự tại thần thông thúc thân khiến nhỏ, vì người cõi Diêm-phù đề ba chương nặng nề; dùng sức trí tuệ hóa cưỡi voi trắng, cũng vì chúng sinh không thích nghi thấy Thăng ứng thân. Cho nên Bồ-tát thặng báo thân cũng không thể khiến nhị thừa thấy.

Hỏi: Nếu như vậy, thì kinh tại sao không nói “Ông chớ khiến thấy thân uy đức” mà chỉ nói “Chớ cưỡng đem đến” ư?

Đáp: Thân nếu đồng loại thì dẫn dụ ắt đến, thân ông còn hơn ắt khiến kia sợ hãi. Cho giả rằng: nên bảo sứ không cần cưỡng dùng thặng thân để giáo hóa, cho nên nói “chớ cưỡng ép”.

Nói “chớ cưỡng ép” giải thích thành câu trước. “Riêng bảo rằng...”: trong đây tuy không nói “tư duy”, nhưng tại văn thí dụ Khuyến và Giới môn đều có lời nói này. Trong Khuyến môn, dự định thích nghi tức nói: “Liên suy nghĩ: thân và tay ta có sức mạnh”. Trong Giới môn, dự định thích nghi tức: “Tư duy như vậy đầy đủ, rồi bảo với các con”. Cho nên, riêng dẫn. Cần thì liên sinh thiện cho nên nói “không cần” tức thôi khuyến thiện. “Cưỡng ép” tức răn ác, cho nên nói “chớ cưỡng

ép”, tức thôi răn ác. Từ “Nên dùng” đến “như mặt”: Biết chúng sinh kia chỉ thích hợp nghe giáo sinh diệt, cho nên dùng lý “Khôi thân diệt trí” mà thuyết giáo lý Hữu, cho nên nói “nước Lý”. “Mặt” là dùng hương để giải thích. Có trái sinh tử hương cơ Niết-bàn, cho nên gọi là “diện (mặt)”. Chẳng phải cho rằng: “Sái” Niết-bàn kia, gọi là “diện (mặt)”. “Đừng nói chi với nó”: “Nói” chỉ là giáo. “Không nói với người khác” cho đến “Bồ-tát”: Trong đây nhất vãng chỉ nói xưa Tiểu nhưng trước Pháp Hoa các kinh Đại Thừa không nói Nhị thừa là Bồ-tát dẫn hộ trì Nhị thừa, lẽ nào liên quan đến Bồ-tát? Che Thật giữ Quyền cho nên nói “che giữ”, cũng là che ấm đem hộ không hiển rõ Thật kia. Cho nên, trước Pháp Hoa ngoài nhất Thật ra đều gọi là “tùy tha”. Lại nói “ẩn bốn vị”, thông nói Tiểu thừa giáo. Do xưa hai vị còn có Tiểu giáo, nhất định không có nói “Tiểu thừa thành Phật”, cho nên Nhữ và hai tô đều đối với Tiểu cơ mà nói là: “Không nói” đó thôi! Chính do bài xích thêm nói được tên hai vị. “Tức là thôi hóa” đến “từ đất mà đứng dậy”: Trong đây có hai giải thích, hai địa không đồng hai khởi không biệt, cho nên dứt một đại hóa lia hai chủng địa. Tán thán đại đọa lạc khổ cho nên có trước giải thích, dùng tiểu nhận được cho nên có giải thích tiếp.

Trong phần Giải thích tiếp, nói “Vô minh địa”: Nếu nói “nằm ở đất” tức thí dụ hai vô minh, nếu nói “mà đứng dậy” thì lại từ giới nội, cho nên biết không giải Đại tiểu; đầy đủ hai vô minh đều gọi là “nằm”. Đây phù hợp tiểu pháp, trước là trị giới nội cho nên lại nói “đứng dậy”. “Trong Tứ đế” đến “y thực”: thích nghi hương đến cảnh sở đối, cho nên nói “qua đến”. Tiểu vẫn tại cơ, cho nên dùng “muốn” để giải thích “câu”. Câu dưới mới nói “Trưởng giả toan muốn”. Cảnh nhiếp pháp hẹp, cho nên nói “xóm nghèo”. Muốn hương đến Tiểu quả, lại cần chánh trợ cho nên nói “y thực”. “Lại một ngày khác... là dùng ý lãnh Pháp thân địa”: Kinh văn nói “ông ở trong cửa sổ” thì chữ “trong” đó là nói “tại trước Đạo thọ”; ý thì đều chỉ trước Tiệm Đốn giáo, để nói đến nạn vẫn tôn đặc cho nên biết Thông đến trước Đốn.

Hỏi: Bốn đại đệ tử... Ý trong đáp: Đã nghe thí dụ rồi lãnh đủ hai chu, nhập Đại không đối cho nên tự xét nói “Nếu bắt đầu...” Nạp pháp đã trọng ắt có biết đây.

Căn cứ hóa nghi nói từ chỗ chấp nhận tiến thoái cho nên trước bằng nhau sau dò xét, lẽ nào có tự thâu hoạch Tiểu đến nay mới năm mươi năm mà đủ thấy cảnh giới Bồ-tát khó nghĩ bàn, nghe khắp các pháp dung thông hết thấy? Chẳng phải hoàn toàn không biết, nhưng chưa lường được nguồn gốc, tự xét mình tuyệt phần dự lãnh. Nay nhờ

Pháp Thí, nhiệm được phần nào Viên thường, suy biết Như Lai ngày xưa như mặt trời trước chiếu. Cho nên, dưới đức Phật tán thán rất là hy hữu. Vì thế, dùng hai vị thấy, nghiệm trước thấy chẳng phải chân. “Thoát tướng Đại tiểu”: Tướng là biển tướng lớn, hảo là biển tướng nhỏ. Toàn ẩn thân biển vô lượng tướng hảo, cho nên thí dụ nói “thoát”. Tướng hảo khó lường dụ cho biển lớn khó lường.

“Mật sai hai người”: Trong đó, trước là giải thích “hai người”. Tiếp, “Đầu tiên dự định Đại...”: mới giải thích “mật sai”. Người là sở khiến, mật là ý sai khiến. Đầu văn trước hết nêu rõ ý chỉ có hai, cho nên đối Bồ-tát lại thông chỉ hai người. Tiếp, “Căn cứ pháp...”: là căn cứ pháp căn cứ người để phân hai. Tiếp, “Giải thích mật sai”: Trước thì đối người bên cạnh để biện rõ khác biệt, tức cùng mật hiển che lấp sai khác. Nay nêu “mật sai”: Che thật gọi là “mật”, dùng Tiểu gọi là “sai”. Che lấp “mãn”, nêu “bán”, căn cứ theo lệ có thể biết tức là phân bán tự và mãn tự để giải thích. Cũng là từ Đại thiết lập Tiểu cho nên gọi là “sai”, Tiểu không lường được Đại, cho nên gọi là “mật”. Nhưng “bán tự mãn tự” không đồng giải thích của người xưa, nay phải tại Viên, đầy đủ như Huyền Văn. Căn cứ người, chuẩn theo lệ có thể biết. “Hình...”: là tiếp giải thích hình sắc, cũng đầy đủ hai ý: Thứ nhất, căn cứ Tiểu giáo, trăm kiếp sở chủng tuy tại Tiểu luận mà không tại Nhị thừa. Cho nên Nhị thừa giáo không nói sắc hình tốt đẹp, mà nói vô thường gọi là “tiêu tụy”. Thứ hai “Căn cứ người...”: ẩn Bản làm “mật”, hiện Tích làm “sai”, đầy đủ như văn dưới trong Phú-Lâu-na nói.

Hỏi: Nếu chuẩn theo văn dưới thì chỉ phát các Tích của Mãn nguyện và A-nan, vì các Thanh-văn cũng có bản ư?

Đáp: Nhập Đại Thừa luận nói: Không chỉ La-vân riêng là Bồ-tát, như các đồng tử, A-nan, Nan-đà và Điều-đạt... đều là Bất thoái Bồ-tát. Nếu vậy thì chỉ có Quyền mà không có Thật ư? Đáp: Dùng Quyền dẫn Thật, lẽ nào ngoài các Bồ-tát này đều là Quyền ư? Đây cũng là nghĩa sẽ giải thích nơi bản tích.

Nếu giải thích “vô oai đức” thì tùy nơi hình sắc để giải thích. “Đại giáo...”: Trước Đại giáo nhanh, cho nên nói “liền sai”. Muốn hộ giúp chí Tiểu thừa, cho nên nói: “từ từ nói”. “Trả giá gấp bội...”: Trong đó hai giải thích: Đầu dùng Giới thiện để duyên tương đối làm một gấp bội, giới thiện tại Dục, để duyên xuất giới. “Lại ngoại đạo...”: lậu vô lậu tương đối làm một gấp bội, cũng là nội ngoại hai đối trị không đồng, gọi là một gấp bội. “Sáu hạnh” chẳng vĩnh viễn “đoạn”, cho nên chỉ nói “phục hoặc”, lược như Chỉ Quán quyển sáu nói. “Cùng tử nếu chịu...”:

Là đối kia không chịu, cho nên phải nói “nếu”. Hóa nghi chấp nhận cho nếu thuận vật tình, cho nên nói vậy. “Không luận tịnh Phật quốc độ”: Tịnh Phật độ, nghĩa lược như trong kinh Tịnh Danh phẩm Phật Quốc nói ngang mười bảy câu, dọc mười ba câu, rộng như trong kinh Hoa Nghiêm phân hồi hương nói, và các kinh Niết-bàn, Đại Tập, Trí luận các văn đều nêu đủ. Tiểu thừa không có điều này, mà chỉ khiến “hốt (trừ) phân”, cho nên được thọ ký rồi mới tạo tu cùng chúng sinh kết duyên, chẳng liên quan đến đủ hạnh. “Nhị thừa” đến “trước hỏi lấy” là: Trước hỏi giá tiền công, cho nên nói “trước hỏi lấy”, chẳng phải cho là đã lãnh hội cho nên nói “hâm mộ qua”.

“Người cha thấy con...”: Hỏi: Nếu “thương xót và trách nó”, thì vì sao mật sai dạy cùng tử nhận lấy quả ư?

Đáp: Người bên cạnh đuổi theo không đến sự cần phải mật sai. Tuy dạy “hốt phân” mà chẳng phải cha vĩnh viễn nhớ mong, muốn có sự rõ ràng để nói lời giao phó nên trước thương và trách nó. Điều ở đây là lãnh pháp thí đến văn đó xong, đây là thôi Đại cho Tiểu hai nơi đều có đoạn văn trước xong. Từ văn đây về sau, Pháp thuyết chỉ có khai quyền, Thí thuyết chỉ có đồng ban cho, đều thiếu hai vị trung gian. Nếu luận xét lãnh Pháp Thí hai nơi, thì tuy không có chánh văn nhưng chỉ nhãn (mắt) năng thấy pháp thí tức là Pháp thân. Cho nên tề giáo lãnh mà lại lãnh tiêm sơ, do đó bầm thọ Tiểu gọi là “tề giáo”. Biệt có xét lãnh cho nên nói “Lại một ngày khác”, trong đó trước tổng thuật Lai ý, tiếp liệt chương, văn chia bốn đoạn. Nói “dự định thích nghi...”: ý nói: Phật tại pháp thân dự biết ta có Đại Tiểu bốn ý cho nên nói “dự định thích nghi...”. Tiếp giải thích chữ “lại (hựu)”: Trước giải thích chữ, tiếp giải thích nghĩa. Tiếp, giải thích “ngày khác”, giải thích hai chữ “ngày khác”, trong đó trước tách ra để giải thích hai chữ, tiếp “Tề giáo...”: là căn cứ hai lãnh tề thám, hợp xét hai chữ. Đầu tiên trong phần tách để giải thích nghĩa kia thì là tổng, do chưa phân tề giáo thám lãnh, tiếp hợp xét trong đó nghĩa thì phân biệt. “Tự tha...” ba thứ làm giáo thám. Đầu văn giải thích “tha” chia làm hai: Đầu giải thích, tiếp phê phán. Đầu giải thích: Căn cứ người Nhị thừa dùng Tiểu vọng Đại làm “tha”. Tiếp phê phán: Trước nay căn cứ Nhị thừa, tuy dùng Đại làm “tha” mà chưa biết Đại đây vốn dùng thân nào? Nay phán đó tức Pháp thân. Tiếp giải thích “nhật”: Đối pháp thân địa đã dùng Quyền Thật, Thật tự Quyền tha, trong pháp nhị thừa không có trí pháp thân cho nên gọi là “tha”.

“Nếu từ...”: là phán xét: Nếu từ pháp thân dùng Quyền trí, thì đối với người Nhị thừa cũng gọi là “tha”. Tha đây phải chỉ Quyền trí Phật.

Tiếp, hợp chữ để giải thích: Trong đó có ba giải thích, tức y Đại kinh nói tùy tha v.v... và nói hóa tha..., có làm pháp thức vẫn đối hai thời tề giáo thám lãnh. Văn chia làm ba:

- 1) Giải thích ba tướng.
- 2) “Nếu từ...”: là phán xét thuộc về nay.
- 3) “Nay từ...”: dùng ý nay kết.

Phần một có hai: Trước, căn cứ hóa tha tức chỉ Tề giáo. Tiếp, căn cứ tự hành và dùng tự tha tức chỉ Thám lãnh. Nói “Tề giáo”: Tức Pháp Thí hai văn chỉ đến Lộc-uyển. Dựa theo giáo cho nên nói Tề giáo. Cái gọi là “Thám”: Nghĩa là quá khứ dò xét hướng trước đạo thọ tịch tràng. Đầu tiên, Tề giáo: Tức thuộc nghĩa thứ nhất, trước căn cứ cơ thuyết, vì vậy cho nên Tề giáo chỉ lãnh giải Hóa thân, tức thời không phải hóa thân thì gọi là “ngày khác”. Tiếp, “Nếu căn cứ...” thám lãnh. Văn lại có hai: Chánh nêu hai nghĩa. Tiếp “Đây thì...”: là kết. Đầu văn: Tuy là Pháp thân đã dùng tự hành đối tha, cho nên dùng hóa tha Quyền Thật đều là tha, do đó Nhị thừa xưa cũng không lường nổi ý chỉ kia. Trong đây nói “tự hành” tựa như “tự tha”, dùng đối tự biện tha đều có Quyền Thật, cho nên song nói như thế. Tiếp trong Tự tha, tự cùng tha đều riêng nói Quyền Thật, tức là căn cứ lý hợp song, Trong đây nói “tự tự hành”, vì đối hóa tha thành tự tha, do đó tự hành cũng chỉ hóa tha làm tha, tự tha cũng chỉ hóa tha làm tha. Cho nên biết trong Thám đều chỉ pháp thân thời quyền, Nhị thừa đối kia tuy thọ theo Tiểu hóa, mà đồng thể Quyền thì nhị thừa không hiểu. Đối Phật hai tự đều chỉ đồng thể pháp thân thời Quyền. Tuy có hai ý mà “ngày khác” đều thành.

Tiếp, trong “phần Kết” nói: “Hoặc có hoặc không...”: kết nơi pháp thân quyền trí sở chiếu, hoặc có cơ hoặc không cơ. Nói “Có thể không?”: Là nêu rõ pháp thân dùng trí hợp vật xứng cơ không thể và xứng cơ hay không? Thời đến làm có thể, đợi thời được không? Tuy có và không có thể hay không đều là quyền trí quyền cơ được gọi là “ngày khác”. Tiếp trong phân phán nói: “Nếu từ...”: là phán hướng Tề Thám. “Thám lãnh tự tha”: “tự” là nghĩa tự hành thứ hai, “tha” là nghĩa tự tha thứ ba. Nên lập lại nói “tự” mới hiển rõ nghĩa thứ ba. Điều là đối pháp thân làm “tha”, cho nên chẳng phải việc Nhị thừa. “Tuy có hai y” mà trong hai thứ Tề và Thám đều có nghĩa “tha”, cho nên nói “đều thành”. Trong Tề thì dùng pháp thân chiếu cơ làm tha; hai nghĩa trong Thám thì dùng trung của Như Lai tự hành đều lấy quyền làm tha, tha tức nhị thừa sở dụng. Tuy có nhị thừa sở dụng và phi nhị thừa sở dụng, hai ý không đồng mà đều được gọi là tha. “Nay y...”: thuộc đối ý văn, “Nay y Nhị

thừa sở lãnh” tức Tề giáo Thám lãnh. “Lại theo ngày khác” tức Thám và Tề giáo hai xứ ba tha. Cho nên, Nhị thừa lãnh làm giáo của mình vọng ở Phật. Lại lãnh Như Lai dụng tha. Nói “Thám lãnh” cũng nên nói “Tề giáo”. Chỉ vì là văn lược, cho nên hai lãnh đều chỉ Pháp thân dùng cơ, chỉ theo nghĩa biệt hai tha không đồng.

“Song dữ” (cửa sổ): Thuyết Văn nói: Ở phòng gọi là “song”, ở tường vách gọi là “dữ”. Chẳng phải “hộ” (cửa đi) cho nên “thiên (lệch)”, nêu rõ xứ vẫn là bên kia. Nay cũng như thế. Chẳng phải chính giữa nên “thiên (lệch)”, không khắp nên “hẹp”, nên pháp thân địa quán không có Đại cơ, chỉ thấy thiên hẹp trước thuần thực. Chính do con ngăn cách bên ngoài cửa sổ, đâu liên quan đến lỗi trưởng giả thấy thiên lệch? Huống chi là trưởng giả muốn dùng thiên cơ. Đối với Viên thì vẫn còn xa, cho nên nói “xa”. “Cởi y phục tốt” đến “đồ trang sức”: Như trước đã giải thích. “Sinh nhãn Pháp nhãn...”: Nhãn hữu tình nào gọi là “Sinh nhãn”, nhãn vô tình nào gọi là “Pháp nhãn”, nghĩa là nhãn với lạnh, nóng, mưa, gió v.v... thuộc Pháp nhãn. “Tay trái...”: Quyền thật trong Tiểu. “Tướng trạng có vẽ e sợ”: là trạng tương tự, quyền dùng thật; đầy đủ như Thích Tiêm dẫn văn Thành Thật luận. “Lại có gió rét...”: Đại luận quyển chín nói Đức Phật có não, nghĩa là sáu năm khổ hạnh. Tôn-đà-lợi hủy báng, Kim Thương, Mã mạch, Lưu ly giết dòng họ Thích, khát thực bát không, Chiên giá nữ hủy báng, Điều-đạt xô núi đá, Gió rét xin y và Song thọ đau lưng, tổng cộng là mười. Nếu căn cứ Hưng Khởi Hạnh kinh chỉ có bảy duyên, không có Tôn-đà-lợi hủy báng và khát thực không được. Đại luận thẳng nêu ra, Hưng Khởi Hạnh kinh dựa theo đều giải thích.

Tiếp, “Bảo những người làm rằng...”: ví như Tứ niệm xứ trở đi tức đối vị. Nay chỉ lược đối không nêu hành tướng nữa. Thất giác ở trước Bát chánh, trong luận Bà-sa, có đầy đủ Liệu giản (giải thích), lược thì như Chỉ Quán quyển bảy nói. Không nói Ngũ đình: vì đình tâm chỉ là đối trị trừ chướng, khiến có khả năng tu quán. Từ Tứ niệm xứ chánh tu để nói; tuy nói “căn cứ vị” mà phải kiêm tương sinh mới kham hiểu ý đây. Cho nên văn dưới nói: “Siêng tu niệm xứ...”. Sinh Không Như Lai: Giáo đây tác pháp sở hữu Sinh Pháp không liên quan Đại thừa, tức trong A-hàm là lão tử, ai lão tử? Cho nên Sinh Pháp hai Không đều thuộc Chánh đạo, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba nói. Vô thường... là trợ: Như trong Đế quán nói vô thường chính là chánh quán, nay dùng hai Không vọng ở trong sự đối trị vô thường, chỉ được gọi là trợ, huống chi lại do nhất kỳ (một thời kỳ) niệm niệm lấy đó làm trợ. Như trong Đại kinh Đại

thừa trị môn, cho đến dùng thường, tại sao chỉ là vô thường? “Gần” chỉ bốn vị Noãn v.v..., ngoại đạo cầu lý ở trước địa vị này cho nên gọi là xa. Nên nói Tứ niệm xứ..., chỉ là tùy tiện mà nói thôi! Đây văn...: Do Thế đệ nhất là vị Ngũ lực không có năm lỗi. Hạ nhãn mười sáu sát-na xuống đến Thế đệ nhất pháp vị, tức là Nhãn ứng thượng hạ đều có mười sáu hành, mới thành ba mươi hai quán. Nay văn lại dùng Tứ đế nói, đối với ba mươi hai tiệm giảm duyên hạnh, hai mươi bốn chu giảm hành, bảy chu giảm duyên cho đến cuối cùng, chỉ lưu một hành. Quán một sát-na nhập Thế đệ nhất, lược như Huyền Văn Thích Tiêm lược dẫn văn Câu-xá. “A-hàm” đến “nghĩa con chưa thành”: vì trong kinh A-hàm cũng nêu Bồ-tát không đoạn kết, mà Đại luận bài xích đó là quyền, chẳng phải hoàn toàn không có. Luận nói Ca-chiên-diên tạo: Từ chỗ tạo luận và chỗ tính toán nói, lẽ nào dùng gộp cả hai lại quy về A-hàm. Pháp Hoa căn cứ xưa trước mười hai năm dùng một nghĩa đâu đáng cười ư! “Đắc sơ quả” đến “Đại thừa”: ý nói: Từ sau Kiến đạo không phát Đại tâm, trở lại khiến trong đạo Tiểu thừa đoạn kết, cho nên nói “vì cơ đó mà”. Nếu căn cứ Đại luận thì đến sơ quả đã gọi đó là chết, không còn phát lại. Đại sư theo sự chấp nhận trong Chỉ Quán, tiến thoái hai giải thích do đó sơ quả cũng gọi là chết... Có thể phát tâm “hai mươi năm”: Văn hiện có bảy giải thích: Đầu giải thích: hợp số làm hai mươi; tiếp sáu giải thích: chỉ lập hai danh, như đoạn Kiến làm một, đoạn Tư làm một. Đầu văn: Kiến đoạn cùng phục không còn trước sau tức dùng tám Nhãn thông phục tám trí, thông đoạn Tu Đạo chín, chín thông làm một, chín cho nên chỉ tổng lập chín vô ngại chín giải thoát.

“Ngũ thượng phần”: Là trạo cử, mạn, vô minh, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm. “Ngũ hạ phần”: Thân kiến, giới thủ, nghi, tham, sân. Trong Ngũ thượng phần thì Sắc nhiễm và Vô sắc nhiễm hoàn toàn ở thượng. Trạo cử... ba thứ còn lại tuy thượng mà thông hạ, không thể vương hạ nên gọi là “thượng phần”. Nói “hạ phần”: Tham tuy thông thượng nhưng không phải chỉ có ở thượng, Sân chỉ ở hạ không thông thượng, ba thứ còn lại nhiếp khắp tất cả Kiến hoặc. Tuy lại thông thượng mà năng vương hạ, cho nên gọi là “hạ”. Do đó Câu-xá luận nói: Do cả hai mà không siêu vượt cõi Dục, do ba lại trở lại hạ phần tức dù đoạn tham... đến Vô sở hữu, do Thân kiến... lại trở lại Dục giới, rộng như trong Câu-xá nói. Nói “Như ở trong pháp Nhị thừa đoạn Tư hoặc”: Trước trong kiến đạo không phát, cũng như khiến đoạn tận Tư còn sót lại. Nói “cùng đoạn dư kết”: Hoặc ở trong ngoại đạo đoạn chút ít Tư hoặc, lại y Quyền hạnh mà đoạn khiến không còn.

“Thứ tư: Thí dụ lãnh phó chúc”: Thứ tư, năm hợp làm một đoạn, tức dùng văn Lộc- uyển sau không nhập văn Phương-đẳng. Đại chương tuy vậy, chia nhỏ vẫn có văn thoát nạn... để ứng thuyết một đời năm thời. Nay cũng còn khai tiêu biểu lãnh và phó chúc. “Lãnh” nghĩa là lãnh gia nghiệp, chỉ trong Phương-Đẳng, Bát-nhã. “Phó” tức giao phó tài sản ở trong Pháp Hoa. Văn thí dụ chia làm bốn chương: đồng ban cho v.v... tức trong văn nay hai trước hai sau: tức thoát nạn, đòi xe, đồng ban, hoan hỷ. Coi Phương-đẳng Bát-nhã là đòi xe: Văn hai chu kia sau thoát nạn tức nói đòi xe. Chỉ văn đòi xe ngắn đã không đổi hai vị cho nên dùng miệng đòi đổi. Nay dùng hai vị làm đòi cũng chỉ là đổi cơ tình. “Đòi” danh tuy đồng mà không phải là không có chút sai biệt, hướng chỉ văn đòi ở trước nghĩa chẳng hạn cuộc nơi miệng đòi. Nay nói đòi: Không hạn cuộc cơ tình. “Cũng là bốn ý hiển Thật đã nêu trong phẩm Phương Tiện”: phần kệ của phẩm Phương Tiện bên trên văn tụng hiển Thật ở chương Thích-ca, trong đó trường hàng chỉ nói “Như vậy đều vì đặc nhất Phật thừa Nhất-thiết-chủng- trí. Trong phần tụng Thí bản chia làm bốn ý:

1) Từ “Xá-lợi-phất phải biết, Ta thấy các Phật tử...”: hai hàng nêu Đại cơ động, làm bản thí dụ nay đòi xe.

2) Từ “Ta liền suy nghĩ rằng...”: hai hàng và một câu nêu Phật hoan hỷ; làm bản thí dụ nay thoát nạn.

3) “Ở trong hàng Bồ-tát chính bỏ ngay phương tiện...”: ba câu chánh là hiển thật, làm bản thí dụ nay đồng ban cho xe.

4) Từ “Bồ-tát nghe pháp ấy...”: một hàng nêu thọ hành ngộ nhập làm bản thí dụ nay được xe hoan hỷ. “Do tâm tướng thể tín” trở xuống, sinh khởi bốn dụ. Tiếp, “Trong hợp...” là dự định hợp văn từ trước đến nay sinh khởi bốn thí dụ, tức là bắt đầu từ Phương-đẳng cuối đến Pháp Hoa, trong Thí dụ chỉ là một đồng ban cho xe thôi! Nếu chia mười thí thì không ứng tín giải, bởi do đây.

“Lại trước trong thí Dẫn dụ” đến “Tư tận”: Nói “dẫn dụ”: Là mật sai hai người. Nói “ra khỏi nhà...”: Là “ra khỏi nhà” và “Tư tận”, hai thứ cuối cùng nghĩa đồng. Pháp thân và Đạo thọ, cận viển (gần xa) không đồng. “Nay lãnh cũng có hai”: Nay đến lãnh đồng ban cho, trong đó tổng hợp hai thứ thủy chung trong văn trước làm một thủy chung cho nên nói “cận viển thủy chung”. Đó là “Tề giáo” làm “cận thủy”, “Thám lãnh” làm “viển thủy”, hai tứ chung (cuối cùng) chỉ cộng làm một. Vọng bên trong dụ dẫn... cuối cùng thì tột cùng nơi đồng ban cho, cho nên nói thủy bốn vị, chung phó tài. Đã dùng bốn vị làm thủy,

nghiêm biết Thám lãnh đến trước tịch tràng. Tiếp, “Vì sao vậy?”: là giải thích, giải thích xuất cộng làm một thủy chung tương tức năm vị. “Người bên cạnh ví như trâu”:

Hỏi: Trước dùng người bên cạnh tức trong Hoa Nghiêm nói bốn đại Bồ-tát, trong Đại kinh nói từ trâu xuất ra nhũ (sữa), dụ cho từ Đức Phật xuất ra mười hai bộ kinh; nay sao được dùng trâu dụ Bồ-tát làm người bên cạnh ư?

Đáp: “Phật thêm Bồ-tát” và “Phật” không khác biệt, tuy chủ bạn sai khác đều là năng thuyết, nghĩa sở thuyết phải đều từ ngữu xuất ra.

“Bao biếm”: “Bao” là khen ngợi, tuyên dương. “Biếm” là chê bai bài xích “Đã lãnh biết” đến “lẽ nào không vui ư?”: là căn cứ không mong cầu lấy thì chưa gọi là vui muốn. Vì lãnh biết rồi thì tăng trưởng hâm mộ vui thích về sau. Cơ hội đến gần được giao phó tài sản, gọi là “thoát đổi”. Cơ đã ngầm hợp cho nên gọi là “vui thay!”. “Phán thiên tánh”: lý tánh đồng. “Định cha con”: Hội kết duyên. Nhị thừa tại xưa thì “thiên tánh, cha con” hai nghĩa đều mê, đến khi Pháp thuyết “khai” tri kiến kia, gọi là hội thiên tánh. Thiên tánh nếu hội thì nghĩa cha con thành “Thị” (chỉ) cho biết sự mê trong đó, nên gọi là hội. Trung căn còn mê muội đến Thí thuyết rồi mới định sở sinh, vì thế bốn người đến phẩm này mới tin ngộ. “Bồ-tát nghi trừ” bởi vì trong Pháp thuyết vì khiến tất cả lẽ nào riêng chỉ Nhị thừa! Trong thí dụ đồng ban cho chẳng phải chỉ có căn bại, chỉ do lực người lãnh giải chưa sánh bằng chúng khác cho nên khiến trong lời nói không liên quan đến chúng khác. Mình là chánh người khác là bên (phụ) chưa vội vã đề cập đến người khác. Bản thân khó, người khác dễ, cho nên lại theo khó. Lại, mình biệt tại nay, người khác thông giáo xưa, cho nên lại theo biệt. Mình chết, người khác sinh, lại theo bắt đầu sống. Người khác theo xưa hiển, bản thân chỉ nay hiển, cho nên lại theo nay. Thấy nhiều ý đây, thì còn lại có thể biết. “Từ Bát-nhã” đến “vị thứ năm”.

Hỏi: Trước hội tam nói thuyết Pháp Hoa, nay trở lại dẫn Đại kinh nói xuất Niết-bàn, thế nào đồng được?

Đáp: một nhà nêu nghĩa nhiều nơi nói không phiền biện rộng. Muốn luận lần nữa, lại trình bày mong muốn Đại, phân biệt vị đồng thời mà có bộ khác. Căn cứ lý, danh biệt đều quy về thường trú, xét về cơ kia xứng nhất nhạnh. Căn cứ pháp, kia còn ba quyền, luận ý thì kia đời luật nghi, nói chứng thì kia kiêm Tiểu quả, thọ lợi ích kia không rộng thọ ký, thuyết thời dài ngắn vĩnh viễn sai khác, đàm luận thường quá khứ vị lai không đồng. Luận thí dụ đại trận còn lại bè đảng. Hiện điểm

lành tiêu biểu đều sai biệt. Phá chấp khó dễ không đồng. Lãnh giải cận viển cũng trái, thuật thành căn không đồng, dụng trị sinh tử không đồng. “Phó chúc có...”: có đây, được mười sáu ý, căn cứ đây lược biết. Sự khác ý đồng, không thể mất ý chỉ. Lỗi đây đồng khác giảng giải trao rất khó. Lẽ nào chỉ có hai kinh? Còn lại cũng không dễ. “Nay sơ tướng”: Nếu không xen nhau giải thích thì nghĩa “tướng” không thành. Nhưng con “thể” cha: dùng Đại mà so sánh Tiểu, cha “thể” con: dùng Tiểu mà không trái. Đầu cuối mà luận con chưa “thể” cha, cho nên thấy thân cha tôn quý đặc thù, thấy mà không chịu nhận. Thấy thân đã vậy, các lệ có thể biết. “Do đây thấy thân tôn đặc”: Như trong kinh Tịnh Danh nói “Ví như Tu-di Sơn vương hiển nơi biển lớn, an xử các tòa sư tử báu, che khắp tất cả đại chúng đến”. Trong kinh Dược Sư nói “Cao lớn uy nghiêm như trăng giữa các vì sao”. Trong kinh Đại Tập nói “Tập hợp trong khoảng hai cõi”. Các kinh Phương-đẳng thì theo lệ chẳng phải một. Cho đến nghe thuyết đại pháp, thấy đại thần thông, thấy đại Bồ-tát khó tư duy đại sự..., đều do đã đắc quả A-la-hán. Chê bai đoạt lấy không nghi cho nên nói “do đây”. “Kim (vàng) tức Biệt giáo...”:

Hỏi: Đại Phẩm có Viên, vì sao chỉ nói không xuất Thông Biệt ư?

Đáp: Chỉ nói lý Thông Biệt thì đã nhiếp hai giáo kia. Luận giáo năng thuyên ắt đủ bốn, “kim” lại theo lý cho nên nói không ngoài hai thứ đây, bao gồm lại Nhị thừa đến đây phần nhiều thành thông Biệt. Cũng tạm nói như thế. “Thông biệt kho đụn”: căn cứ đây có thể biết. “Trong đó nhiều ít” cho đến “tướng rộng lược”: phẩm Phương Tiện thứ hai mươi một nói: Tu-bồ-đề bạch Phật: Như Phật đã nói hoặc rộng hoặc lược, các Bồ-tát vì sao cầu ư? Phật dạy: Đúng vậy! Đúng vậy! Nếu đại Bồ-tát học Bát-nhã rộng nhiếp này thì biết tướng rộng lược của tất cả pháp. Lại nói hai chu trước sau thời thuyết Bát-nhã tức tướng rộng lược. “Lại, Nhị thừa...”: lập lại giải thích ý: Là mật “thị” (chỉ) tri kiến đồng cho nên nói “thể ý”.

Nói “thể pháp không”: Thật lý bất nhị. Đây có ba:

- 1) Chính là ý trong Bát-nhã.
- 2) Căn cứ lý ở thời Bát-nhã mật nói Bất nhị mà Nhị thừa không biết, nghĩa là tại Bát-nhã ý thông Pháp Hoa.
- 3) Căn cứ ý nay, đối với Phật tức là phó tài, Nhị thừa tự cho là nói thêm. Cho nên, trong Bát-nhã nói: Lẽ nào hàng Thanh văn dám có sở thuyết? Có sở thuyết, đều nhờ Phật lực, do cơ chưa chuyển, tạm nói “gia bị thêm”. “Phải gắng dụng tâm thêm... “Là trình bày nguyên ý của Phật không ngoài hai thứ đây. Hiển tại Bồ-tát, mật gia bị Nhị thừa, nhưng

lãnh bốn thời trên đều đủ hai ý:

- 1) Thuật Phật hóa ý.
- 2) Đã nạp mật cơ.

Vậy thì thân ta lãnh hai nghĩa của Phật, cho nên gọi là “lãnh”. Nếu đến Pháp Hoa thì ý Phật cũng tận, cơ hiển chẳng phải mật.

Hỏi: Thời gian nào gọi là “một ít thời gian”?

Trong phần Đáp chia làm hai: Một, căn cứ thời gian giữa hai kinh. Hai căn cứ thời Vô Lượng Nghĩa. Văn đầu, tức là biên hạn giữa hai loại xin ý và miệng, Bát-nhã chẳng phải một nên gián đoạn thời gian rộng. Tổng gọi “một ít thời gian” tức hướng về thời gian bức bách sau cho nên tùy theo lãnh giải một thời một hội đều có suy lường.

“Mất hay không mất”: “Mất” thì bản thân không có phần, “không mất” lại chưa đồng Bồ-tát. Trong thời gian do dự tức là thời gian cơ muốn phát; chính thức phát chính là ở ba phen thỉnh. Tiếp, căn cứ Vô Lượng Nghĩa: Cách Pháp Hoa rất gần thời gian rất ít. Đã nghe từ một xuất nhiều nghĩa, ắt thân nhiều quy về một, là cuối cùng của bốn vị cho nên nói “dần đã”. Cơ không con ngăn cách sai khác, cho nên nói “thông thái”. Phát tại chốc lát cho nên gọi là “tức phát”.

“Chánh giao phó gia nghiệp”: Trước nói “giao của” (phó tài) nay nói phó nghiệp. Tài từ chỗ kinh doanh, nghiệp tức tạo tác, đều là tác nghiệp của Bồ-tát tu đắc ba nhân. Danh khác nghĩa đồng nên được xen nhau nêu. “Linh sơn tám phen”: Pháp Giới luận của Bồ-đề-lưu-chi nói: Sau khi đức Phật thành đạo bốn mươi hai năm mới thuyết kinh Pháp Hoa.

“Người phương Bắc”: được các văn nêu phần nhiều là Tướng châu Bắc đạo Địa luận sư. Xưa hoàng Địa luận Tướng châu tự phân chia Nam Bắc hai đạo sở chấp không đồng, Nam thì chấp pháp tánh sinh tất cả pháp, Bắc thì chấp Lê-da sinh tất cả pháp. Tông phái đã riêng biệt thì giải thích nghĩa không đồng, lẽ nào Địa luận khiến như vậy ư? “Nếu vậy...”: phá cả hai nhà.

Nói “Tích môn thuyết pháp”: Chỉ là tam chu. “Kia giải rằng...”: Địa luận sư bào chữa. “Nay cho rằng...”: lại phá. Từ xưa không biết “khai cận hiển viễn” vĩnh viễn sai khác các kinh, cho rằng Tích thuyết xong không thể chứng. Nếu nói là “nói không sắp xếp trùng nhau”, tức hướng đến phẩm Pháp Sư ở sau, thì vì sao phẩm Phương Tiện ở trước không biên chép? Nếu nói Phật nhập định rồi xuất không được nói, thì việc gì kinh gia không biên chép trước ư? Nếu đắc Tích môn xong, thì vì sao không đợi sau Bản tích? Duệ công sinh khởi tiện là vô dụng, một

nhà thứ lớp đạo lý lạng lẽ. “Y Tát Vân kinh”: Như phẩm Đa Bảo bên dưới dẫn. Nếu khi ba phen thỉnh mà Phật chưa thuyết kinh, thì sao được kinh nói “Đức Phật thuyết vô ương số kệ” Cho nên biết nói vô số tức phẩm Bảo Tháp về trước. Đã nói vô ương số kệ lẽ nào chỉ có ba quyển rưỡi kinh? Huống chi Bồ tát từ đất vọt lên tán thán kệ văn kia số rất nhiều, xưa truyền Pháp Hoa Tây phương còn rộng căn cứ theo văn đây. “Nay nêu rõ...”: Ý nói tuy chẳng phải thân sanh, mà trong Tích đã đồng nghiệp thì chẳng phải không có liên quan nhau. Cho nên dòng dõi cha theo nghĩa tương đương chú bác nên biết ngày nay hưởng tại xưa đều có cao thấp. Vậy thì xưa chỉ địa vị cao như “bác”, chỉ vị thấp như “chú”, đều là họ hàng cha cho nên nói “thân tộc”, và chữ “hội” xuyên suốt xuống dưới.

Từ “Quốc vương” đến “là vua”: Trước căn cứ các bộ của giáo xưa làm các vua. Nói “hưng phế”: Tùy luận “hưng phế” đầy đủ như trong Huyền Văn quyển chín nêu. Nay muốn lược luận đối bộ nói, thì Hoa Nghiêm có hai hưng hai phế, cho đến Pháp Hoa một hưng ba phế, đây chính phế các tiểu vương chỉ lập một chủ tể, vì vậy cho nên kinh Pháp Hoa gọi là vua trong các (kinh) vua. Tiếp, “Lại kinh đây...”: căn cứ kinh này hội giáo, do bộ trong kinh này không còn có các giáo khác. Bộ tức là tôn trọng cùng cực trong bộ, làm vua. Giáo tức là giáo chủ trong bộ, làm vua. Vì giáo phân Đại tiểu, vương cũng có tôn ty, cõi nước có rộng hẹp, dân có nhiều ít, của cải sản nghiệp đều sai khác, chỗ xuất cũng không đồng, cho nên giáo trong bộ có Thông Biệt hai lối. Biệt thì đương giới thi ân, Thông cần phải quy về nước lớn. Cho nên biết bộ giáo đều phải “hội thông”, nên trước nói bộ, sau mới nói giáo. Tại xưa chưa hội; như trong một nước lớn có hai, ba vua nhỏ đều theo lý phẩm vật buôn bán chưa quy về nước lớn, cho nên phương tiện giáo thì tên chủ vua không thể không có, chỉ vì kiêm Viên cực trong bộ nên chủ non yếu. Nếu hội rồi sau đồng thắm nhuần nhất hóa. Dân không có hai chủ, nước không có hai vua. Từ đây về trước, hoặc trở về không trở về. Không trở về thì vẫn là tiểu vương chịu sự phụ giúp không thấu hoạch mà làm thống lãnh. Tiểu vương vốn không trái nghịch nước lớn bởi do dân tâm chưa quy về. Dân nếu quy về thì từ vua thống nhất một mối, do đây hội tụ pháp nghĩa có thể so sánh biết.

“Trong Vô lượng nghĩa trước đã thấu tập”: Tuy nói từ một xuất nhiều, mật dự định nhiều đều thuộc một, cho nên nói “thấu tập”. Lại chính do trước nói một xuất nhiều mới có thể định khởi thấu nhiều trở về một. Cho nên biết trước lúc ấy đương cơ lợi ích vật, tuy ở một thiết

lập ba, mà ba che đậy một. Muốn nói thâm nhập cho nên dự định luận “khai”. Kia nói dưới dẫn kinh Vô Lượng Nghĩa “thị” (chỉ bày) tướng, làm sao biết được thâm tập các kinh? Kinh kia đã nói các kinh vô lượng đều từ một mà xuất, cho nên chỉ kinh trước lấy làm vô lượng. Tứ đế, Nhân duyên tức Lộc-uyển, Phương-đẳng Bát-nhã thứ lớp rõ ràng. Nói “Hoa Nghiêm” là có đủ hai nghĩa đã tại Huyền Văn. “Di-lặc...”: Giáo xưa vì thiên viên chưa dung hợp; người cũng là quyền thật chẳng phải một. Nay giáo đã hội thì Bồ xứ lẽ nào nhiều? Bồ xứ đã vậy các thứ còn lại... chuẩn theo đây. Dân quy thuận vua, như trước đã luận. “Sơ địa...”: Là hội thiên giáo cho nên không nói Viên.

“Mở thành”: Vua vốn cũng chỉ nói ở một thành. “Độn”: nghĩa thông trốn, ẩn. Đây “bỏ trốn” tức là ẩn. “Nay ta” đến “hết thủy sở hữu”: sở phó Bát-nhã có cộng và bất cộng không ngoài nhân quả, Nhân là “vạn hạnh”, Quả là “vạn đức”. Hạnh tức đế, duyên, thập bát không... Đức là thập lực, tứ vô sở úy, bất cộng pháp.... Đây đủ như Thừa rộng, không gì không phải Diễn. Đây đức của ta đã nói là “con có”. Phải biết các ông đều có kho tàng nhân quả của Như Lai, cho nên thêm nói tức là lãnh khẩu. Lại trong Bát-nhã thường thấy phóng quang, thấy thân khó nghĩ bàn thân tức khiến lãnh thân, Bát-nhã Phương tiện tức lãnh ý. Cho nên biết rằng: “tri” (biết) và “kiến” (thấy) đều là “sở hữu”, vì thế Pháp Hoa chỉ tổng nói “Tri kiến Phật”. “Mà nay bỗng nghe...”: Dùng người khác căn cứ bản thân vì Pháp và Thí đều giải, ắt biết nhất định đồng Thân-tử được thọ ký. Gia Tường đến đây lại trở lại tổng kết trước, đều làm năm cặp mười đơn:

1) Từ “người bên cạnh” chỉ Hoa Nghiêm làm Đốn, từ “nước tưới” đến Pháp Hoa làm Tiệm, tức Tiệm đốn một cặp. Nay hỏi: Nếu làm ba thứ pháp luân mà đây chỉ phán làm hai giáo, thì tự nói tương phản, quy đốn không thành, làm sao xả phương tiện duy có Phật thừa hội vạn thiện hiển giáo lâu xưa mà làm Tiệm ư?

2) Từ “tưới nước trên mặt” trở đi là thế gian, từ “hốt phân” đến Pháp Hoa là xuất thế gian, Thế xuất thế là một cặp. Nay cho là các con không bẩm thọ Nhân thiên thừa, cho nên biết Nhân thiên chẳng phải bắt đầu tiệm giáo. Nếu coi “hốt phân” trở đi là xuất thế thì chưa xét kỹ sau Lộc-uyển nói giới thiện ư! Huống chi mười hai năm đầu cuối đến Pháp Hoa đồng lập nói xuất thế, đâu riêng hiển Pháp Hoa?

3) Căn cứ trong xuất thế thì Đại Tiểu là một cặp. Chưa xét kỹ Phương-đẳng Bát-nhã như thế có Tiểu thừa không? Đại của ba vị đồng làm một phán định, làm sao có thể hiện khả năng diệu pháp?

4) Căn cứ trong Đại thì Tự tha là một cặp. Tức chỉ “phó tài” làm hóa tha, lãnh nghiệp làm tự hành. Chưa xét kỹ các bộ Bát-nhã có tự hành không? Thanh-văn tại xưa nói vì Bồ-tát, Phật hóa vốn ý chánh giao phó khiến biết, hướng chi khi lãnh nghiệp vốn ở tự lợi. Từ lúc ấy về sau chưa sửa đổi Tiểu đồ.

5) Từ “sai hai người đến” là mật, lãnh nghiệp là hiển, Hiển mật là một cặp. Nếu vì mật làm mật thì Pháp Hoa là mật. Nếu dùng hiển mật làm mật, thì nay đây Thanh-văn từ Lộc-uyển đến đều bảm thọ hiển giáo, tại sao gọi là mật? Trước bấy giờ được thọ ký mới gọi là mật, đến đây mới đòi thì nghiệm biết chẳng phải trước bấy giờ hướng chi ba thứ và năm cặp lý tự tương phản...

Nếu dùng năm đơn lẽ thì đồng tại Pháp Hoa như trước đã phá. Nếu từ rộng hẹp dùng một cặp sau cùng làm Pháp Hoa, hoàn toàn không nói khai, thì trở lại đồng Đại xưa, dẫn đến khiến người học sau đối số mà thôi! Không câu giáo chỉ dạy thì dùng giáo làm gì ư? “Quý tại đặc ý”: Trong Thí dụ đã ủy thác cho nên không luận nữa. “Tự có hai nghĩa”: Do kết duyên không hoại, tuy Đại tiểu mà đều tương tự, tuy chê nói mà nghĩa tương tự con không mất.

Tiếp, “Con đã...”: là nêu chánh nhân để so sánh. Nếu luận chánh nhân thì không tương tự cũng là con, hướng chi tương tự ư! Đã từng kết duyên thì tại sao chẳng phải con chân thật? Căn cứ từng chạy trốn, cha lại chê bai, do địa vị cạn mê sâu, chê trách nói “tương tự”. “Vân vân”: là như trên phân biệt.

“Hỏi: Đầu giải thích phẩm nói đã được nhập chân...”: Chân là tu vị tức Sơ trụ trở đi. Đầu phẩm lại nói tuổi đã già yếu, Tiểu còn chẳng phải vị tương tự, “đây tại sao nói tự?”

Đáp: Ý nói nếu căn cứ sau con trốn cha thì Đại Tiểu đều chẳng phải tương tự vị, hướng chi chân thật ư! Vẫn chỉ khi kết duyên, đối với nay dần mới được gọi là tự. Mà “chỉ hợp thấy con liền biết”: Trên thấy cha có bốn là: nguyên do, xứ, tướng và tránh. Thấy con cũng có bốn là: xứ, biết, vui, vừa ý. Nay một câu: “Thấy con liền biết”, tức gồm tám văn trước. Văn tuy có trước sau, ý chắc đồng thời, lẽ nào chẳng phải lúc con thấy cha tức cha thấy con thấy cho nên liền biết. Tuy lại trốn chạy mà cơ tại không lâu cho nên cha cũng vui. Cho nên biết một văn tức thâm nhiếp cả tám văn. “Chúng con do ba món khổ...”: trong Thí dụ hai môn: Khuyến Giới: Trước đều luận dự định thích nghi, không căn cứ; sau hợp luận hai môn thôi hóa. Nay ba cặp hợp lãnh. Đầu từ “Thượng sơ...”: trước vượt lên ba ý. “Người bên cạnh truy tìm” tức hai ý trong

Khuyến môn. “Truy tìm lần thứ hai” tức hai ý trong Giới môn. “Phóng xả” tức hai môn thôi hóa. Nói “ba khổ”: Do có ba khổ nên năm trước thêm nặng, do đó hai môn đều không có Đại cơ, chỉ kham Tiểu hóa. Vì năm trước bức bách cho nên có khổ, vì vô minh che lấp cho nên bị vô tri. “Nay hợp...”: chánh hợp “hai môn vô cơ” là: “Vì sao lại bị bắt” tức Khuyến môn vô cơ. “Tự nghĩ mình vô tội” tức Giới môn vô cơ. Không nói “hai môn dự định thích nghi”, bởi vì hai môn vô cơ kiêm luôn. Tiếp, “Ưu thích pháp Tiểu thừa”: Hợp có Tiểu chí tức hai môn thôi hóa. Nói “không hợp phóng xả”: Xả tức là thôi. Chỉ văn thí dụ bên trên thôi hóa có bốn:

- 1) Tư duy thôi hóa.
- 2) Giải thích thôi hóa.
- 3) Chánh thôi hóa.
- 4) Thôi hóa được thích nghi.

Phần Tư duy lại có hai: 1) Biết Đại yếu; 2) Biết Tiểu mạnh.

Nay nói “có Tiểu chí” tức văn thứ hai. Nói “không hợp phóng xả”, là không hợp ý thứ ba chánh thôi hóa. Vậy thì chỉ hợp văn đầu và thứ hai, tức thu nhiếp thứ ba dưới và thứ nhất đầu. Cho nên văn trên chính phóng xả, nói “Ta nay thả người đi đầu tùy ý”. Vì biết có Tiểu chí, cho nên đối Đại phóng xả. “Trên có Tề giáo và Thám lãnh, nay hợp hai ý”: Hai văn trên đều có bốn: Tiểu dự định Thích nghi, Biết tâm ngày trước, Tán thán ba xe, Thích hợp sở nguyện. Nay trong Tề giáo chỉ hợp môn thứ ba trình bày đủ việc trên, tức Tán thán ba xe, và thứ tư “trước hỏi lấy giá cả” thích hợp sở nguyện. Thiếu văn thứ nhất, hai. Hai văn này nhậm vận kiêm đắc hai thứ còn lại, tư duy có thể biết. Trên có bốn văn, nay chỉ có ba thiếu một là Thích hợp sở nguyện, ba cái còn lại thứ thứ lớp đối dự định thích nghi... Chỉ đủ văn Tề giáo. “Dạy làm” tức là văn Thám lãnh, hợp thí dụ phó gia nghiệp. Trên có nguyên do có giao phó. Nguyên do trên có viễn cận tức Tiểu quả là viễn, thể nghiệp là cận, nay chỉ hợp cận. Trên có mệnh lệnh có thọ nhận, nay chỉ hợp thọ không hợp mệnh lệnh. Vì có thọ ắt biết đã có mệnh lệnh. “Mà tự...”: Là kiêm đắc hai thứ còn lại.

Trên giao phó gia nghiệp có bốn:

- 1) Thời tiết.
- 2) Gọi con, tụ hội chúng để làm chứng.
- 3) Kết hợp cha con.

4) Chánh giao phó gia nghiệp. Nay vì giao phó vẫn gồm ba thứ trên, phải nêu ý kia. Trên khai Thí có bốn tướng thất lạc...: bốn tướng

này nêu văn, văn tự bốn chương, chỉ thành ba đoạn, mới lược truy đuổi dụ dẫn, dưới giải thích có đủ. “Tạo lập xá trạch”: Cõi Hữu dư chẳng phải Tịch quang tự nhiên, hiện thắng Ứng thân chẳng phải Pháp thân vốn có, đối nơi kia lại vận y Không, Từ bi cho nên nói “tạo lập”.

Kinh nói: “ Liền ở lại (đốn chỉ) một thành”. “Đốn” là đốn pháp, thị (chỉ bày) tướng Tịch, nghĩa đồng ở Tịch. Lại “Liền ở lại” tức không đi, chỉ ở trong đó tìm cầu căn cơ của con.

“Siêu tụng thứ tư Ưu niệm...”: Chỉ tụng con bỏ cha mà đi tức khổ mất con mà không có vui được gặp con. Khổ do mất con và vui do được con, đều tại hoài bảo của cha, thế nên khi mất đã ôm ấp cái vui ấy biết thời sau sẽ trở lại. Xa xem xét cơ duyên chưa được như Phật. Kinh nói “Ngày đêm luôn suy nghĩ”: Có người nói: Tự hành là “đêm”, lợi tha là “ngày”. Đây không ứng như thế! “Ngày” là sáng sớm, là khởi đầu sáng; “đêm” là tối, là hoàng hôn. Sáng sớm liền hóa, đầu hôm là cuối cùng hóa. Đại hóa từ đầu đến cuối theo thuyết trên có thể biết. Nếu thân Phật một tướng sáu thường thuyết vô thường, thì hóa dục chung thời tiết tiết xướng diệt. Nếu nói tự hành làm đêm, thì không thể tự hành cũng nói là thời chết sắp đến.

“Hữu, vô thiện thượng...”: Tuy lại có khi duyên vô sở đắc thiện mà chưa thể đoạn kết, cho nên đây trên thể vẫn có Kiến Tư. “Pháp thân là vua là sư (thầy)...: Văn đây hợp tại văn tiếp trong đoạn sợ tránh. Nếu căn cứ văn trên thì chỉ ứng pháp thân như vua. Biên soạn thêm chữ “sư”, lại thêm một thí dụ. Báo nên là trưởng giả chỉ nên nói Báo như vua... Kiêm nói ứng thân: báo là thắng ứng. Do trưởng giả như vua, hoặc là bậc đồng vua, cho nên tiện nói. “Riêng nói dùng rộng hiển lược...”: Như trong kinh Hoa Nghiêm rộng nêu thân tướng, quốc độ, hạnh nguyện, vốn muốn dùng Phật tri kiến rộng lớn đây để hiển thể thật tướng cho nên nói “dùng rộng hiển lược”. “Thọ quyết”: Văn trước Hoa Nghiêm không có nói thọ ký, phẩm Nhập Pháp Giới phụ luận thọ ký, cũng được gọi là thọ ký. “Hoằng thệ và hạnh”: Được ủy thác tất cả tốt nhất của Bồ-tát. Lại “thệ là khoán”, thệ hứa lợi tha có như khoán ước, tùy tu tùy thường “Sớ” tùy hoàn, đến Bồ-đề thường (hoàn lại) mới xong. Lại trong Hoa Nghiêm Bồ-tát hạnh nguyện phần nhiều nêu sự số, gọi là kế toán (tính kể). Văn “người truy đuổi” nói trên lại có ba: 1) Hộ hóa là hai nghĩa Khuyến môn; 2) Hộ hóa là hai nghĩa Giới môn; 3) “Người ấy...”: hai hàng tụng “vô cơ”, tức “phóng xả”. “Vô cơ”: Là lập lại hai môn vô cơ, do vô cơ cho nên mới thôi hóa, nên nói “giải thích phóng xả”. “Ba hàng đầu tụng dụ thuê làm” đến “dạy làm”: “Thuê làm” tức

trên nói Tề giáo, “dạy làm” tức trên nói Thám lãnh. Tề giáo văn ý từ đạo thọ đến. Do chấp nghĩa Tiểu cơ là “thuê làm”. Thám lãnh văn ý pháp thân địa thời không lúc nào không thương, đâu từng không dạy, lẽ nào đợi thuê làm? Cho nên nói “dạy làm”.

“Dầu xoa chân...”: Có người nói: Nước ngoài ảm ước người làm việc chân phần nhiều hay bị nứt cho nên dùng dầu bôi, đây nói công việc rất hèn hạ. Trong kinh này nói sách (nứt) dụ sông..., sao lại dầu thoa? Trên nhận mệnh lệnh có bốn, nay chỉ tụng ba. Thứ nhất, như văn. Thứ ba là thứ tư, đại cơ sắp động, chỉ thiếu thứ hai: mà không mong lấy. “Thứ nhất: Hai mươi năm”: Văn trên dẫn đủ trong đây hai mươi năm đã biện rõ sai khác xong. Nay “nói chuyển giáo”: Trước nói trụ Nhị thừa chuyển giáo, nay dùng Biệt hoặc Kiến Tư gọi là “hai mươi năm”. Trong hợp thí Đức Phật cũng như vậy. Hợp thất lạc nhau: Trên thất lạc có bốn: Biết con ưa Tiểu, hợp cha con thấy nhau. Văn thấy nhau (tương kiến) ở trên có hai: Con thấy cha lại có bốn, cha thấy con cũng có bốn. Nay lại nên biết nếu riêng dùng một câu: “Đức Phật cũng như thế”, thì hợp cha con thất lạc nhau ý vẫn chưa hiển. Tiếp một câu “Biết con ưa Tiểu thừa”, là hợp cha con tương kiến ý cũng chưa hiển. Vì sao? Vì câu trên mượn câu dưới mà thành, biết ưa Tiểu thừa nên nghĩa đương thất lạc nhau. Tiếp câu dưới mượn câu trên mà thành. Đức Phật biết chúng sinh ưa thích Tiểu thừa cho nên được thấy nhau. Ưa Tiểu do thoái Đại do đó thất lạc nhau. Thoái Đại do ưa Tiểu, do đó thấy nhau. Cho nên, hai câu tương thành nhiếp tám câu. Câu biết ưa Tiểu nghĩa tương đương liền biết. Từ: “Chưa từng” đến “ý kia”: chỉ một phen truy đuổi hô hóa liền đủ hai nghĩa, cho nên nói “tổng”. Văn trên trong thí dụ thì Tề giáo và Thám lãnh đều có bốn đoạn; dự định thích nghi, có cơ, hoan hỷ xe, vừa ý nguyện, đã chỉ nói thành tựu Vô lậu. Trong Tiểu thừa giáo nói Vô lậu thông nơi các quả. Nói “thành tựu”: Chỉ tại vị sau, cho nên cũng tổng nhiếp hai nhóm bốn văn. Trên hợp có hai Tương Tín ủy nghiệp. Nay không hợp Thế tín, nghiệm biết Tướng Tín là phụ, ủy nghiệp là chánh. Nói “ủy nghiệp”: “Ủy” tức là mệnh lệnh. Nay đầu một hàng trường tụng thọ mệnh lệnh lãnh biết trên tụng sở vô. Trên tụng trong thí dụ hoàn toàn không khiến biết, chỉ có ba thứ trong thọ mệnh lệnh. Một hàng đầu nêu Đoạn đức, để nói rõ “Nội diệt”. Nội tức Hoặc thể, tam giới Hoặc tận, cho nên nói “Nội diệt”, nên thuộc “Đoạn đức”. Tiếp nêu “Trí đức”: Đã nói hoặc nghe, nghe giáo thuộc Trí cho nên nói “Trí đức”. Do Tiểu trí đầy đủ nên không ưa thích Đại trí, hai trí đây đều nêu nghĩa thất lạc hiển lỗi.

Tiếp, “Vì sao vậy?...”: sáu hàng song thích Trí Đoạn. Hai hàng đầu giải thích Đoạn, tiếp một hàng rưỡi giải thích Trí, tiếp một hàng rưỡi lại giải thích Đoạn; tiếp một hàng lại giải thích Trí. Cho nên biết hai hàng đầu nêu rõ tự trụ Tiểu Đoạn; tiếp một hàng rưỡi nêu thất (lạc) Đại trí; tiếp một hàng rưỡi lại giải thích Tiểu Đoạn; tiếp một hàng giải thích thất Đại trí. “Phần đặc Đại thừa tập quả”: Khi đắc Sơ trụ phá một phẩm vô minh gọi là Tập quả. Nói “ngư đầu (đầu trâu)”: Hoa Nghiêm gọi là xuất Ly-cấu sơn, nếu dùng thoa thân thì lửa không thể cháy.

Trong văn nói “mười ân”; tự đối nhà y tòa ba thứ. Đầu tiên, “nhà” có ba ân: Một ân thứ nhất là Thông gia bị khắp. Hai ân tiếp là Biệt cứu khổ cho vui. Thông bị là khởi đầu của Tứ hoàng thệ nguyện, Biệt bị là cuối cùng của tô bồi nguyện, tức là sau phát tâm thì đến khởi hạnh. Tự thành đạo trước khắp nơi nhuần lợi ích, tương nhuần lợi ích không ngoài cứu khổ ban vui. Thấm nhuần ân cứu khổ ban vui, biết làm sao có thể báo đáp? Sở dĩ khó báo: Đầu tiên vì chân thật tự hành khiến ta tu tập, tự bảm thọ giáo sau thoái Đại luân hồi, từ bi không lìa nơi nơi cứu khổ cho vui. Tiếp, ân y (áo) có bốn: Con thọ giáo rồi Đại tiểu đều vong, nơi nơi đừng biết làm toại căn cơ con liền ở cõi này đốn tiệm đạo thành. Tuy trước chính là vì Đại cơ và cũng lo hạt giống thiện của con, cho nên sau Đốn liền tùy Tiểu hóa. Bài xích, đào thải nên giả rên đức. Chê bai đó thì dùng bần sự thảo am, dẫn dụ con thì dùng gia nghiệp giàu có. Hạt giống đời trước dần dần nứt ra còn chưa đủ tốt, ân lâu dài do đâu có thể báo? Vì vậy cho nên ân đầu trong bốn là Nhân thiên, tiếp đề cập đến ba vị. Ân tòa Như Lai có ba: Đến thời Pháp Hoa bắt đầu thâm hoạch lợi ích vi diệu, kiêm năng lợi vật hóa đạo ban đầu thành ân khó báo, bởi có nguyên do. Sở dĩ thứ tám là ân thọ ký, ân thứ chín, mười khiến ta năng lợi vật. Do đó nhà được áo, cho nên có ân che chở nuôi dưỡng. Nhà có tòa, nên thành dụng bạt khổ ban vui. Tòa nhờ áo, nhà khiến hạnh tự tha thành. Y nhờ tòa nhà, nay từ đầu đến cuối lý hiển, cho nên ba nghĩa hợp thành đại ân. Ân từ đầu đến cuối này lấy gì báo đáp nổi? Các nhà chú giải chỉ nói vật, không đáp thí nơi thiên địa. Con không cảm ơn cha mẹ sinh vì quên cảm báo ân đây. Nay ý chánh luận mang ân khó báo, tại sao được dùng quên báo ân để giải thích? Huống chi lại chỉ duyên khiến con quên báo ân, ân này báo đáp rất lớn, cho nên không được trực tiếp dùng quên báo để giải thích. Phàm nói “quên”: Trị kia không quên, nay chẳng lãnh quên chỉ lãnh khó báo. Hai thời đã riêng, vả lại giải thích ý mang ân.